

Số: 214/NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày 11 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc bổ sung và điều chỉnh dự toán năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Nghị quyết số 159/2024/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét Tờ trình số 2264/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung và điều chỉnh dự toán năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung kế hoạch vốn vay lại, vốn viện trợ năm 2024 đã giao tại Nghị quyết số 148/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2024, số tiền 112.836 triệu đồng, cụ thể:

- Tăng dự toán thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương: 112.836 triệu đồng;

- Tăng chi ngân sách địa phương: 112.836 triệu đồng (Trong đó: Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 94.234 triệu đồng, chi sự nghiệp 18.602 triệu đồng).

(Chi tiết phương án phân bổ tại Phụ lục 01 đính kèm)

Điều 2. Điều chỉnh dự toán chi thường xuyên Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024, số tiền 8.200 triệu đồng.

(Chi tiết phương án điều chỉnh tại Phụ lục 02 đính kèm)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban, tổ đại biểu và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND tỉnh.



Trần Hải Châu

PHỤ LỤC 01
BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN VAY LẠI, VỐN VIỆN TRỢ NĂM 2024
 (Kèm theo Nghị quyết số: 214/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh)
 ĐVT: Triệu đồng

TT	Dự án	Tổng kế hoạch vốn đã giao năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2024 bổ sung	Kế hoạch vốn năm 2024 sau khi bổ sung KHV	Chủ đầu tư
I	Vốn vay lại năm 2024	158.600	94.234	252.834	
1	Dự án “Đầu tư xây dựng và Phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở” - Dự án thành phần tỉnh Quảng Bình	23.900		23.900	Sở Y tế
2	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình (Dự án BIIG2)	12.700	2.919	15.619	Sở Kế hoạch và Đầu tư
3	Dự án Môi trường vững các thành phố duyên hải, tiểu Dự án thành phố Đồng Hới (WB)	58.300		58.300	UBND tỉnh (Thông qua BQLDA Môi trường và BDKH TP Đồng Hới)
4	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng, giai đoạn 2 - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình (Dự án TIIG II Quảng Bình)	18.900		18.900	Sở Du lịch
5	Dự án phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới (ADB)	44.800	91.315	136.115	UBND tỉnh (Thông qua BQLDA Môi trường và BDKH TP Đồng Hới)
II	Vốn viện trợ năm 2024	0	18.602	18.602	
1	Dự án Cải thiện thu nhập bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vì cộng đồng nông thôn hòa bình tỉnh Quảng Bình (Koica)	0	18.602	18.602	UBND tỉnh (Thông qua BQL Dự án cải thiện thu nhập và nguồn nhân lực nông thôn)
	Tổng cộng	158.600	112.836	271.436	



PHỤ LỤC 02

ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 214/NQ-HĐND ngày 11 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: đồng

STT	Tên dự án/dự án thành phần	Dự toán được giao			Điều chỉnh tăng			Điều chỉnh giảm			Dự toán sau điều chỉnh		
		Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP
	Tổng cộng	12.216.000.000	3.345.706.200	8.870.293.800	8.200.000.000	3.345.706.200	4.854.293.800	8.200.000.000	3.345.706.200	4.854.293.800	12.216.000.000	3.345.706.200	8.870.293.800
A	ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ CỦA CÁC ĐƠN VỊ KHÔNG CÒN NHU CẦU SỬ DỤNG	8.200.000.000	3.345.706.200	4.854.293.800	0	0	0	8.200.000.000	3.345.706.200	4.854.293.800	0	0	0
I	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn	5.700.000.000	1.845.706.200	3.854.293.800	0	0	0	5.700.000.000	1.845.706.200	3.854.293.800	0	0	0
I	Thực hiện hiệu quả Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống theo hướng bền vững, bao trùm và đa giá trị. (Sở Du lịch)	5.700.000.000	1.845.706.200	3.854.293.800	0	0	0	5.700.000.000	1.845.706.200	3.854.293.800	0	0	0
II	Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn	2.500.000.000	1.500.000.000	1.000.000.000	0	0	0	2.500.000.000	1.500.000.000	1.000.000.000	0	0	0
I	Chỉ đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên (Sở Tài nguyên và Môi trường)	2.500.000.000	1.500.000.000	1.000.000.000	0	0	0	2.500.000.000	1.500.000.000	1.000.000.000	0	0	0
B	CHI BIỂU DƯƠNG, TÔN VINH, KHEN THƯỞNG ĐỐI VỚI TẬP THỂ CÓ THÀNH TÍCH TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	4.016.000.000	0	4.016.000.000	4.854.293.800	0	4.854.293.800	0	0	0	8.870.293.800	0	8.870.293.800
I	Kinh phí khen thưởng tại QĐ 3636	4.016.000.000	0	4.016.000.000	4.854.293.800	0	4.854.293.800	0	0	0	8.870.293.800	0	8.870.293.800
C	KINH PHÍ CÒN LẠI THU HỒI VỀ NGÂN SÁCH TỈNH (chưa phân bổ)				3.345.706.200	3.345.706.200					3.345.706.200	3.345.706.200	0